TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-07-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Văn Hòa**
  Ông **Huỳnh Việt Phương**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 19 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/4/2018, về việc: "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà NĐ, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp x tỉnh Sóc Trăng
Chổ ở hiện tại: x, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông BĐ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Canada (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà NĐ trình bày:

Vào cuối năm 2010 qua giới thiệu, bà NĐ quen biết với ông BĐ. Sau thời gian tìm hiểu, hai người đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/4/2011, vào sổ đăng ký kết hôn số 55, quyển số 01 ngày 07/4/2011 và hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, ông BĐ ở Việt Nam một thời gian ngắn rồi trở về Canada và có làm thủ tục để bảo lãnh bà sang Canada để đoàn tụ gia đình nhưng vào năm 2013 bà phỏng vấn không đạt. Từ đó, ông BĐ ít liên lạc và dần thờ ơ với bà, không một lần về Việt Nam thăm bà, do vợ chồng ở xa nhau dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, cả hai cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc với ông BĐ không đạt được, giữa hai người đã không còn tình cảm và không có điều kiện đoàn tụ gia đình, hai người ở xa nhau, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông BĐ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà cũng không yêu cầu ông BĐ phải trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 09/04/2018 nguyên đơn bà NĐ yêu cầu được ly hôn với ông BĐ; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông BĐ là người Việt Nam và sinh sống tại Canada, có địa chỉ rõ ràng. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông BĐ qua Đại sứ quán nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada vào ngày 08/08/2018 bằng dịch vụ bưu chính. Đến ngày 26/03/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có gửi công văn số 120/2019/CV-TA đề nghị Đại sứ quán nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cannada thông báo về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông BĐ. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của Đại sứ quán nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cannada. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn NĐ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông BĐ vắng mặt. Nhận thấy, đây là phiên tòa mở lần thứ hai và ông BĐ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 4, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt NĐ và ông BĐ.

* Về nội dung:

[3] Vào năm 2010 qua giới thiệu bà NĐ có quen biết với ông BĐ. Sau thời gian tìm hiểu NĐ và ông BĐ có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/4/2011, vào sổ đăng ký kết hôn số 55, quyển số 01 ngày 07/4/2011. Sau khi kết hôn thì ông BĐ có ở Việt Nam một thời gian ngắn sau đó trở về Canada làm thủ tục bảo lãnh bà sang Canada chung sống. Đến năm 2013, do NĐ phỏng vấn không đạt nên từ đó ông BĐ cũng ít liên lạc và không còn về Việt Nam thăm bà. Từ đó cả hai không còn liên lạc với nhau nữa, không quan tâm gì đến nhau và cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng giữa hai người không thể hòa hợp, tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay ông BĐ ở Canada, còn NĐ ở Việt Nam, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của NĐ xin được ly hôn với ông BĐ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng nguyên đơn bà NĐ phải chịu.

[6] Về án phí sơ thẩm: bà NĐ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NĐ

1/- Về quan hệ hôn nhân: Bà NĐ và ông BĐ được ly hôn.

2/- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/- Phí ủy thác tư pháp: 200.000 đồng nguyên đơn bà NĐ phải chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005664 ngày 08/08/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, NĐ đã thực hiện xong.

4/- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà NĐ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003006 ngày 26/04/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà NĐ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Nguyễn Văn Dũ

Nơi nhận:
- Các đương sự (5);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tâm, Châu Thành;
- Lưu HSVA-TDS.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 19 tháng 07 năm 2019.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

* Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. …….
  2. …….

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/4/2018, giữa

1.Nguyên đơn: Bà NĐ, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Phú Thành B, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Chổ ở hiện tại: 78 Nguyễn Bá Tòng, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông BĐ, sinh năm 1975. Địa chỉ: 1438 Bridge Road Oakville, Ontario, L6L 2E1, Canada

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Thông nhất 3/3 với các nội dung phán quyết sau đây:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NĐ

1/- Về quan hệ hôn nhân: Bà NĐ và ông BĐ được ly hôn.

2/- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/- Phí ủy thác tư pháp: 200.000 đồng nguyên đơn bà NĐ phải chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005664 ngày 08/08/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, NĐ đã thực hiện xong.

4/- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà NĐ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0003006 ngày 26/04/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà NĐ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc 09 giờ 10 phút cùng ngày .

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

…… …… **Nguyễn Văn Dũ**